TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-06-2026
"*V/v ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm
2. Ông Trần Hoàng Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11/03/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/04/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 162/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 25/05/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Cẩm T**, sinh năm 1998 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Minh Đ**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày:

Qua quen biết nên chị và anh Phạm Minh Đ tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/09/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn từ đầu năm 2025, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về

những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh Đ.

Về con chung: Khi ly hôn chị T yêu cầu giao cháu Phạm Tú V, sinh ngày 02/08/2016 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Minh Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Chị T yêu cầu ly hôn với ly hôn với anh Phạm Minh Đ. Về con chung: Khi ly hôn chị T yêu cầu giao cháu Phạm Tú V, sinh ngày 02/08/2016 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con*"; bị đơn anh Phạm Minh Đ cư trú tại ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Phạm Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị Cẩm T và Phạm Minh Đ có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long), ngày 12/09/2016, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn từ đầu năm 2025, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh Đ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị T, anh Đ đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Minh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Chị Phan Thị Cẩm T khai có con chung với anh Phạm Minh Đ là cháu Phạm Tú V, sinh ngày 02/08/2016. Khi ly hôn chị T giao con cho anh Đ nuôi dưỡng.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*; *nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Hiện anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu V cũng có nguyện vọng sống chung với anh Đ. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu về tâm sinh lý, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị C T là giao cháu Phạm Tú V, sinh ngày 02/08/2016 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị Cẩm T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Phan Thị Cẩm T khai chưa yêu cầu, anh Phạm Minh Đ cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phan Thị Cẩm T khai chưa yêu cầu, anh Phạm Minh Đ cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Minh Đ.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Tú V, sinh ngày 02/08/2016 cho anh Phạm Minh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Chị Phan Thị Cẩm T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Phan Thị Cẩm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003987, ngày 09/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo